**BÀI 6. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á (TIẾP THEO)**

**Thời gian thực hiện: tiết**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được sự phân bố dân cư, các đô thị lớn và tôn giáo lớn ở châu Á.

**2. Năng lực**

***\*Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; tự đặt ra mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện;

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp;

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

***\*Năng lực đặc thù***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: mô tả được sự phân hoá không gian của sự phân bố dân cư và đô thị ở châu Á.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: khai thác thông tin, tài liệu văn bản, Internet để tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.

- Sử dụng bản đồ địa lí để nhận xét mật độ dân số và xác định được phạm vi phân bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á.

- Có khả năng hình thành, phát triển ý tưởng và trình bày kết quả một bài tập của cá nhân về các nội dung yêu cầu của bài học.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: yêu gia đình, quê hương, đất nước.

- Nhân ái: tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng; cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ mọi người; cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

- Chăm chỉ: luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tậpở trường lớp, cộng đồng; thích đọc sách báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn ở châu Á năm 2020.

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung bài học (tiết học).

- Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 7 (phần Địa lí).

**2. Học sinh**

- SGK Lịch sử và Địa lí 7, vở ghi, dụng cụ học tập.

- Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 7 (phần Địa lí).

- Sưu tầm tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung bài học (tiết học).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Xác định nhiệm vụ học tập**

***\* Mục tiêu***

- Tạo tâm thế học tập mới cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

***\* Nội dung hoạt động***

- HS dựa vào kiến thức và hiểu biết của mình tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi.

***\* Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động cá nhân/tổ chức chơi trò chơi**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

- GV tổ chức trò chơi qua hệ thống câu hỏi liên quan đến kiến thức bài học.



***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS chú ý lắng nghe, giơ tay trả lời câu hỏi nhanh

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ thực hiện nhiệm vụ của HS.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trao đổi và trả lời nhanh câu hỏi trò chơi.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

***\* Sản phẩm hoạt động***

- HS trả lời các câu hỏi theo sự hiểu biết của bản thân.

- GV có thể chuẩn bị phần thưởng như điểm số, tràng pháo tay, hiện vật,...

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự phân bố dân cư ở châu Á**

***\* Mục tiêu***

- Trình bày được sự phân bố dân cư ở châu Á.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác bảng số liệu, bản đồ.

***\* Nội dung hoạt động***

- HS khai thác thông tin mục 1.b và H.6.1 SGK, trình bày sự phân bố dân cư châu Á.

***\* Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động thảo luận nhóm**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

|  |  |
| --- | --- |
| *\*HS khai thác thông tin mục 1.b, H.6.1 SGK, GV chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo bảng sau:*  ***+Nhóm 1:*** Dưới 25 người/km2  ***+Nhóm 2:*** Từ 25 - 50 người/km2  ***+Nhóm 3:*** Từ 51 - 100 người/km2  ***+Nhóm 4:*** Trên 100 người/km2 | ***C:\Users\MR LAM\Desktop\Ảnh 7\z3501269784284_1a5668cd8b8139a3ff2e1b5ce45af0f1.jpg*** |
|  | **H.6.1. Bản đồ phân bố dân cư**  **và một số đô thị lớn ở châu Á, năm 2020** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mật độ**  **dân số** | **Quốc gia** | **Lí do của mức độ**  **tập trung dân cư** |
| Dưới 25 người/km2 |  |  |
| Từ 25 - 50 người/km2 |  |  |
| Từ 51 - 100 người/km2 |  |  |
| Trên 100 người/km2 |  |  |

- Từ bảng trên em hãy nhận xét đặc điểm phân bố dân cư châu Á. Nguyên nhân của sự phana bố dân cư không đều.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Các nhóm tìm và ghi chép những nội dung phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ nhóm gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- Hết thời gian, các nhóm lần lượt trình bày kết quả làm việc của nhóm.

- Nhóm khác cùng thực hiện nhiệm vụ khác nhận xét, bổ sung.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mật độ**  **dân số** | **Quốc gia** | **Lí do của mức độ**  **tập trung dân cư** |
| Dưới 25 người/km2 | LB. Nga, Mông Cổ, Ca-dắc-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Ả-rập Xê-út, Ô-man, Bu-tan… | - Khí hậu khắc nghiệt, lạnh giá, khô hạn.  - Điều kiện sản xuất khó khăn.  - Nhiều núi cao, hoang mạc, đầm lầy. |
| Từ 25 - 50 người/km2 | Mi-an-ma, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lay-xi-a, Y-ê-men, I-ran, I-rắc, Xi-ri,… | - Điều kiện sản xuất còn nhiều khó khăn.  - Khí hậu tương đối khắc nghiệt. |
| Từ 51 - 100 người/km2 | Thổ Nhĩ Kì, Trung Quốc, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Nê-pan… | - Các cao nguyên thấp, các vùng tương đối thuận lợi cho sản xuất |
| Trên 100 người/km2 | Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Băng-la-đet, Việt Nam, Phi-lip-pin, Nhật Bản… | - Nhiều đồng bằng rộng, đất đai màu mỡ.  - Khí hậu nhiệt đới và ôn đới hải dương mát mẻ. |

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

***\* Sản phẩm hoạt động***

|  |
| --- |
| **1. Đặc điểm dân cư** |
| ***b. Phân bố dân cư***  - Mật độ dân số cao nhất thế giới: 150 người/km2 (2020) nhưng phân bố không đều.  - Đông dân: Đông Nam Á, Nam Á, phía đông của Đông Á...  - Thưa dân: Bắc Á, Trung Á, Tây Nam Á... |

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về các đô thị lớn ở châu Á**

***\* Mục tiêu***

- Trình bày được sự phân bố các đô thị lớn ở châu Á.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác bảng số liệu, bản đồ.

***\* Nội dung hoạt động***

- HS khai thác thông tin mục 1.c, H.6. 1 SGK, trình bày sự phân bố dân cư châu Á.

***\* Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động thảo luận cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

|  |  |
| --- | --- |
| *\*HS khai thác thông tin mục 1.c, H.6.1 SGK, trả lời các câu hỏi sau:*  - Đọc tên, tìm vị trí các đô thị từ 10 triệu người trở lên.  - Những quốc gia nào có nhiều đô thị từ 10 triệu người trở lên?  - Các đô thị lớn ở châu Á thường tập trung ở đâu? Vì sao?  - Tỉ lệ dân số thành thị ở châu Á là bao nhiêu? So sánh với thế giới.  - Em có biết tên 2 đô thị lớn nhất nước ta và có số dân là bao nhiêu không? | ***C:\Users\MR LAM\Desktop\Ảnh 7\z3501269784284_1a5668cd8b8139a3ff2e1b5ce45af0f1.jpg*** |
|  | **H.6.1. Bản đồ phân bố dân cư**  **và một số đô thị lớn ở châu Á, năm 2020** |

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

***\* Sản phẩm hoạt động***

|  |
| --- |
| **1. Đặc điểm dân cư** |
| ***c. Các đô thị lớn***  - Châu Á đứng đầu thế giới về số lượng các đô thị có qui mô dân số lớn.  - Tỉ lệ dân thành thị: 50,9% (2020) và có xu hướng tăng nhanh.  - Các đô thị tập trung ở ven biển, nơi có điều kiện thuận lợi cho đời sống và sản xuất.  - Một số đô thị lớn: Tô-ki-ô, Đê-li, Thượng Hải, Đắc-ca... |

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về tôn giáo ở châu Á**

***\* Mục tiêu***

- Trình bày được đặc điểm tôn giáo ở châu Á.

***\* Nội dung hoạt động***

- HS khai thác thông tin mục 2 SGK, thực hiện yêu cầu của GV.

***\* Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động thảo luận cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

- Dựa vào thông tin mục 2, trình bày đặc điểm tôn giáo ở châu Á, theo bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tôn giáo** | **Nơi ra đời** |
| Ấn Độ giáo |  |
| Phật giáo |  |
| Kitô giáo |  |
| Hồi giáo |  |

- Ảnh hưởng của tôn giáo đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước như thế nào?

- Phần lớn cư dân Việt Nam theo hay không theo tôn giáo nào?

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tôn giáo** | **Nơi ra đời** |
| Ấn Độ giáo | Ấn Độ |
| Phật giáo | Ấn Độ |
| Kitô giáo | Tây Nam Á |
| Hồi giáo | Tây Nam Á |

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

***\* Sản phẩm hoạt động***

|  |
| --- |
| **2. Tôn giáo ở châu Á** |
| - Châu Á là nơi ra đời của các tôn giáo lớn trên thế giới.  - Ấn Độ giáo và Phật giáo ra đời ở Ấn Độ;  - Ki-tô giáo và Hồi giáo ra đời ở Tây Nam Á.  - Tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa, kiến trúc, du lịch và lễ hội của các quốc gia châu Á |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

***\*Mục tiêu***

- Củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức bài học; hệ thống lại nội dung kiến thức vừa tìm hiểu về sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.

***\*Nội dung hoạt động***

- Vận dụng kiến thức bài học và hiểu biết cá nhân để trình bày được những nội dung kiến thức vừa tìm hiểu về sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.

***\*Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động cá nhân, cặp/bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\* GV yêu cầu HS lên bảng tổng kết nội dung bài học.*

- HS làm bài tập trắc nghiệm khách quan:

|  |
| --- |
| **TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ Ở CHÂU Á**  **---o0o---** |
| **Câu 1:** Mật độ dân số trung bình chưa đến 1 người/ km2 tập trung chủ yếu ở:  A. Bắc Á. B. Tây Nam Á.  C. Nam Á. D. Đông Á.  **Câu 2:** Vùng đông dân nhất châu Á là vùng ven biển của khu vực  A. Tây Nam Á, Bắc Á. B. Bắc Á, Tây Á.  C. Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á. D. Tây Nam ÁĐông Nam Á.  **Câu 3:** Nơi có nhiều thuận lợi cho dân cư sinh sống ở châu Á là khu vực  A. Khí hậu gió mùa. B. Khí hậu lục địa.  C. Khí hậu hàn đới. D. Khí hậu núi cao.  **Câu 4:** Miền địa hình có dân cư đông đúc nhất châu Á  A. đồng bằng Tây-xi-bia. B. các đồng bằng châu thổ.  C. các bồn địa. D. các cao nguyên và sơn nguyên.  **Câu 5:** Tên một thành phố đông dân nhất châu Á là  A. Bắc Kinh. B. Thượng Hải.  C. Tô-ki-ô. D. Mum-bai.  **Câu 6:** Quốc gia có nhiều đô thị lớn trên 10 triệu dân của châu Á là  A. Nhật Bản. B. Trung Quốc.  C. In-đô-nê-xi-a. D. Ấn Độ.  **Câu 7:** Tên thành phố đông dân nhất Việt Nam  A. Hà Nội. B. TP. Hồ Chí Minh.  C. Hải Phòng. D. Đà Nẵng.  **Câu 8:** Trung Á là vùng có mật độ dân cư rất thưa thớt vì  A. có nhiều đầm lầy. B. Khí hậu nóng, ẩm.  C. Địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt. D. Ít tài nguyên khoáng sản.  **Câu 9:** Quốc gia có diện tích trải rộng cả châu Á và châu Âu là  A. Trung Quốc. B. Mông Cổ.  C. Ả-rập Xê-út. D. Liên Bang Nga.  **Câu 10**: Việt Nam nằm trong khu vực có mật độ dân số trung bình là  A. trên 100 người/ km2. B. từ 51 - 100 người/km2.  C. từ 1 - 51 người/ km2. D. chưa đến 1 người/km2. |

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV thông qua trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kĩ năng của cả lớp.

***\* Sản phẩm hoạt động***

- HS trình bày kết quả làm việc cá nhân.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| Đáp án | A | C | A | B | C |
| **Câu** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| Đáp án | D | B | C | D | A |

**4. Hoạt động 4. Vận dụng**

***\*Mục tiêu***

- HS vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề.

***\*Nội dung hoạt động***

- Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập.

***\*Tổ chức hoạt động***

**HS thực hiện ở nhà**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA CHÂU Á, GIAI ĐOẠN 2005 - 2020

*(Không tính Liên bang Nga)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2010** | **2015** | **2020** |
| Số dân *(tỉ người)* | 3,98 | 4,21 | 4,43 | 4,64 |
| Tỉ lệ dân thành thị *(%)* | 41,0 | 44,6 | 47,8 | 51,1 |

- Về nhà, từ bảng số lệu trên hãy nhận xét sự thay đổi số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á, giai đoạn 2005 - 2020.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đế cần tham khảo.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét về các phương án lí giải của HS đưa ra, hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu, giờ sau trả lời (báo cáo).

***\* Sản phẩm hoạt động***

- HS về nhà tự tìm tòi, khám phá, mở rộng kiến thứ, sự hiểu biết của bản thân qua một số trang website, đường link, sách tham khảo...liên quan đến nội dung, yêu cầu của GV.

**------------------------------------------------------**